TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST Ngày 22/7/2022 V/v Ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Công

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Tấn Lãm

Bà Nguyễn Thị Mùa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên toà: Ông Hoàng Văn Quỳnh- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2022/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Hoàng Anh T, sinh năm 1970 "có đơn xin vắng mặt";

- *Bị đơn:* Bà Trương Thị Hoài H, sinh năm 1973 "có đơn xin vắng mặt";

Cùng địa chỉ: thôn K, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/5/2022, nguyên đơn ông Hoàng Anh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Hoàng Anh T và bà Trương Thị Hoài H tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị vào ngày 18/02/1989. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc nhưng đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, hay cãi nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay ông T xác định không còn tình cảm với bà H, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống ông T, bà H có 03 người con chung là Hoàng Thị Khánh Ly, sinh năm 1990, Hoàng Kim Phước Long, sinh năm 1997, Hoàng Long Phụng, sinh năm 2000. Do các con chung đã trưởng thành trên 18 tuổi nên ông T không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T, bà H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 26 tháng 5 năm 2022 bị đơn bà Trương Thị Hoài H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H với ông T đã kết hôn vào ngày 18/2/1989 tại xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, sống hạnh phúc cho đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn, lý do mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, cãi nhau. Nay bà H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể kéo dài, mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng. Do vậy bà H đồng ý ly hôn với ông Tuần.

Về con chung: Do các con chung đã trưởng thành trên 18 tuổi nên ông T không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H, ông T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục và đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Hoàng Anh T được ly hôn với bà Trương Thị Hoài H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn do nguyên đơn ông Hoàng Anh T khởi kiện bà Trương Thị Hoài H theo quy định tại Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình. Do bị đơn bà Trương Thị Hoài H cư trú tại thôn K, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện B theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Nguyên đơn ông Hoàn Anh T và bị đơn bà Trương Thị Hoài H có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông T, bà H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông T, bà H tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại có đăng ký kết hôn tại UBND xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị vào ngày 18/02/1989 nên quan hệ hôn nhân giữa ông T, bà H là hợp pháp. Trong quá trình chung sống trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, hay cãi nhau sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa ông T, bà H đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, ông T yêu cầu được ly hôn với bà H là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận.

[4] Về con chung: Ông T, bà H có 03 người con chung là Hoàng Thị Khánh Ly, sinh năm 1990, Hoàng Kim Phước Long, sinh năm 1997, Hoàng Long Phụng, sinh năm 2000. Do các con chung đã trưởng thành trên 18 tuổi nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T, bà H tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Anh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn ông Hoàng Anh T và bà Trương Thị Hoài H.

2. Về nuôi con chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết

3. Về tài sản và nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), ông T phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông T đã nộp theo biên lai thu số 0006204 ngày 12/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND H. Bù Gia Mập;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS H. Bù Gia Mập;
- UBND xã Triệu Đô;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Công